

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim Luyện;

Ông Nguyễn Anh Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị N, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Th, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà N và ông H quen biết nhau tìm hiểu rồi tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1990, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào năm 2004. Khoảng năm 1995 bà N và ông H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông H không có trách nhiệm trong gia đình, mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không khắc phục được. Vào tháng 01 năm 2020, bà N và ông H có

xảy ra xô xát, ông H đánh bà N gây thương tích nên từ đó bà N và ông H sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn và không thể hàn gắn hôn nhân nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về nuôi con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1991; Nguyễn Văn H, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn N, sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 03 tháng 02 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông H và bà N có quen biết nhau, tìm hiểu rồi tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1992, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào năm 2004. Ông H và bà N chung sống với nhau nhiều năm có cự cãi nhưng không lớn, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc, ông H và bà N có cự cãi và xảy ra xô xát, do bà N đi nhậu về đêm khuya nên trong lúc nóng giận ông H có đánh bà N nhưng ông H đã biết lỗi lầm và hứa sẽ cố gắng khắc phục, không để tái phạm nữa. Vì xảy ra xô xát nên ông H và bà N đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn có thể hàn gắn được nên ông H không đồng ý ly hôn với bà N.

- Về nuôi con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1991; Nguyễn Văn H, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn N, sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trương Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông H là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà Trương Thị N và ông Nguyễn Văn H tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1990, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào năm 2004, theo giấy chứng nhận kết hôn số 470 ngày 28 tháng 7 năm 2004. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà N và ông H được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà N xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, ông H không có trách nhiệm trong gia đình, mâu thuẫn bắt đầu từ năm 1995 kéo dài đến nay vẫn không khắc phục được. Vào tháng 01 năm 2020, bà N và ông H có xảy ra xô xát, ông H đánh bà N gây thương tích nên từ đó bà N và ông H sống ly thân cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của bà N thì ông H không đồng ý ly hôn với bà N vì còn tình cảm với bà N, ông H cũng thừa nhận là có đánh bà N do bà N đi nhậu về đêm khuya nên trong lúc nóng giận ông H có đánh bà N nhưng ông H đã biết lỗi lầm và hứa sẽ cố gắng khắc phục, không để tái phạm nữa. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, thể hiện là bà N và ông H sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay mà ông, bà không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, ông H đã được Tòa án thông báo hòa giải lần 02 để hòa giải hàn gắn hôn nhân cho bà N và ông H, nhưng ông H vắng mặt, từ đó cho thấy ông H cũng không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông với bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Bà N được ly hôn với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nhưng do bà N thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà N thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị N. Bà Trương Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, bà N thuộc trường hợp miễn nộp án phí nên không phải nộp án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND thị trấn Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Tạo